

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Số: 51./2021/HĐ-TVGS

Gói thầu: Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Tòa nhà NO2, Nhà để xe và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà thuộc dự án Nhà ở xã hội Khu dân cư số 3, thành phố Bắc Giang

GIỮA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 379

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TỈNH BẮC GIANG



Bắc Giang - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2021

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN GIÁM SÁT

Số: 51.../2021/HĐ-TVGS

**Gói thầu: Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Tòa nhà NO2,
Nhà để xe và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà thuộc dự án Nhà ở xã hội Khu dân cư
số 3, thành phố Bắc Giang**

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 379

VÀ

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TỈNH BẮC GIANG**

Mục lục

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	3
PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.....	4
Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải	4
Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên	5
Điều 3. Trao đổi thông tin	5
Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng.....	5
Điều 5. Nội dung công việc giám sát thi công và lắp đặt thiết bị.....	5
Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị.....	7
Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.....	7
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng:.....	7
Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán.....	7
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng.....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu.....	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư.....	11
Điều 13. Nhân lực của nhà thầu	11
Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	12
Điều 15. Bảo hiểm	12
Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng	12
Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	13
Điều 18. Chấm dứt hợp đồng	14
Điều 19. Thương, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng.....	15
Điều 20. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp	15
Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.....	16
Điều 22. Điều khoản chung	17

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6//2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 13/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 214/UBND-XD ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án: Nhà ở xã hội khu dân cư số 3, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 2551/SXD - QLN ngày 17/10/2019 của Sở Xây dựng Bắc Giang về việc thông báo kết quả thẩm định Hồ sơ thiết kế BVTC-DT xây dựng tòa nhà NO2 dự án: Nhà ở xã hội khu dân cư số 3, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 2764/SXD-GPXD ngày 06/11/2019 của Sở Xây dựng Bắc Giang về việc Cấp phép xây dựng công trình: Tòa nhà NO2 và nhà để xe dự án Nhà ở xã hội khu dân cư số 3, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ngày 20/ 8/ 2021 về Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị tòa nhà NO2 và Nhà để xe thuộc dự án Nhà ở xã hội Khu dân cư số 3, thành phố Bắc Giang.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 22 tháng 8 năm 2021, tại Công ty cổ phần đầu tư 379, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

1. Chủ đầu tư (gọi tắt là Bên A): Công ty cổ phần đầu tư 379

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Tuyển Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Đường Nguyễn Doãn Địch, phường Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang.

Điện thoại: 0240.6250.379;

Tài khoản: 2500211000362 Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Giang (Agribank).

Mã số thuế: 2400284053

và bên kia là

2. Nhà thầu tư vấn Giám sát (gọi tắt là bên B): Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang

Đại diện là: Ông Đỗ Ngọc Thành Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tài khoản: 114.000.023.365 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang.

Điện thoại: 02043.554.708

Các Bên cùng nhau thống nhất thoả thuận các điều khoản trong hợp đồng như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư 379.
2. Nhà thầu TVGS là Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.
3. Dự án là Nhà ở xã hội Khu dân cư số 3, thành phố Bắc Giang, hạng mục: Nhà NO2 và Nhà để xe.
4. Gói thầu là Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Tòa nhà NO2, Nhà để xe và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà thuộc dự án Nhà ở xã hội Khu dân cư số 3, thành phố Bắc Giang;
5. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp

thực hiện công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Bất khả kháng được định nghĩa trong hợp đồng

13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- c) Biên bản thương thảo hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- d) Các phụ lục của hợp đồng;
- e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung công việc giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị

Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn:

- Nhà thầu tư vấn giám sát phải thực hiện giám sát về chất lượng, khối lượng,

tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Việc giám sát thi công xây dựng công trình được thực hiện trong suốt quá trình thi công từ khi khởi công xây dựng, trong thời gian thực hiện cho đến khi hoàn thành và nghiệm thu công việc, công trình xây dựng;

- Giám sát thi công công trình đúng thiết kế xây dựng được phê duyệt, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng xây dựng;

- Nhà thầu giám sát thi công xây dựng phải có đề xuất về giải pháp giám sát và quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu trong quá trình giám sát và nội dung cần thiết khác.

b. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn:

- Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực nhà thầu TVGS phải lập đề cương tư vấn giám sát, khi khởi công nhà thầu phải cử ngay cán bộ giám sát vào công trường để thực hiện công việc giám sát theo nội dung trong hợp đồng.

- Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt;

- Xem xét và chấp thuận các nội dung do nhà thầu trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng khi được sự ủy nhiệm của chủ đầu tư.

- Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình;

- Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

- Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động;

- Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp

lý về thiết kế;

- Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

- Thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành; nghiệm thu chất lượng, khối lượng việc lắp đặt thiết bị công trình;

- Tổ chức lập và tập hợp hồ sơ quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định;

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung công việc trong hợp đồng đã được ký giữa các bên; đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng là: **05 bộ Báo cáo giám sát.**

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn:

a) Hợp đồng tư vấn đã ký giữa hai bên.

b) Báo cáo nhật ký giám sát thi công xây dựng;

c) Đề cương giám sát thi công xây dựng được duyệt;

d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn giám sát.

2. Nghiệm thu sản phẩm:

Nghiệm thu sản phẩm có thể được tiến hành thành nhiều lần theo tiến độ xây dựng

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng: Từ ngày ký hợp đồng và khi khởi công xây dựng công trình đến khi công trình được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra văn bản chấp thuận nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Giá hợp đồng, hình thức hợp đồng:

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền là: **1.650.430.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

b) Hình thức hợp đồng: **Hợp đồng trọn gói.**

2. Nội dung của giá Hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu, xử lý vướng mắc trong hồ sơ quy hoạch xây dựng.

- Chi phí khác có liên quan.

b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

3. Tạm ứng:

Ngay sau khi ký hợp đồng và khi hợp đồng có hiệu lực. Trong vòng 15 ngày chủ đầu sẽ ứng cho nhà thầu số tiền tối thiểu là 20% giá trị hợp đồng.

4. Tiến độ thanh toán

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu TVGS trên cơ sở phần trăm (%) khối lượng hoàn thành của công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu, việc thanh toán được thực hiện theo tiến độ của gói thầu xây dựng, theo các lần nghiệm thu thanh toán được chủ đầu tư và nhà thầu TVGS ký xác nhận sau khi đã trừ khoản tạm ứng theo hợp đồng.

Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.

5. Hồ sơ thanh toán gồm: Các biên bản nghiệm thu và hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu theo quy định của Nhà nước.

6. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc

Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng.

3. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất điều

chính trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu TVGS.

1. Quyền của nhà thầu:

- a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn xây dựng.
- b) Đề xuất các công việc khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.
- e) Được quyền kiến nghị chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thiết kế BVTC được duyệt và các công việc theo nội dung của hợp đồng.

b) Nhà thầu có trách nhiệm bố trí cán bộ giám sát liên tục theo thời gian đơn vị tổ chức thi công; kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu, đảm bảo an toàn về người và tài sản trong thi công xây dựng công trình;

Yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định;

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được

quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

p) Thực hiện nghiệm thu, xác nhận khối lượng các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

q) Chịu trách nhiệm bồi thường nếu để thi công không đúng thiết kế, không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường khi thực hiện các nội dung hợp đồng đã ký kết.

s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng và của pháp luật có liên quan.

- Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm lập các Báo cáo kết quả thực hiện các công việc cho Chủ đầu tư hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất theo yêu cầu chủ đầu tư ... Báo cáo phải thực hiện liên tục từ khi khởi công cho tới khi Nhà thầu thi công xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

Kết thúc công trình, TVGS phải báo cáo Chủ đầu tư về toàn bộ quá trình thi công công trình từ khởi công đến khi hoàn thành công trình, trong đó phải nhận xét đánh giá được khối lượng, chất lượng, tiến độ thi công của nhà thầu.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn GSTC theo Hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn GSTC không đạt chất lượng theo thiết kế BCTC trong nội dung Hợp đồng quy định.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- c) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn GSTC về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ yêu cầu; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.
- g) Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn GSTC, lắp đặt thiết bị...
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể trong hồ sơ yêu cầu.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục 02 (nhân lực của nhà thầu). Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư

chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu TVGS phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, ổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán, và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu, Chủ đầu tư

phải nêu rõ phân lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 3 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 5 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thoả thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh

hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 5 ngày trong các trường hợp sau đây:

- a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.
- b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].
- d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 5 ngày.
- đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

Đối với Bên nhận thầu: Nếu chậm tiến độ 30 ngày thì phạt 1% giá trị phần hợp đồng vi phạm (do lỗi của TVGS), từ ngày thứ 31 trở đi mỗi ngày phạt 1% giá trị phần hợp đồng vi phạm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Điều 20. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện

nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 5 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 5 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, công trình được đưa vào khai thác sử dụng của cơ quan có thẩm quyền, nhà thầu nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư **06 bộ** tài liệu quyết toán, hồ sơ quyết toán gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán

toàn 95% giá trị của Hợp đồng cho nhà thầu; còn lại 5% khi công trình được quyết toán sẽ được thanh toán hết cho nhà thầu TVGS.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày khởi công dự án.

Hợp đồng này bao gồm 17 trang, 22 điều và 02 Phụ lục kèm theo được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 08 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản để thực hiện./.



**GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH**



**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TUYẾN**

PHỤ LỤC 01: BIỂU TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Hợp đồng số/2021/HĐ-TVGS ngày/8/2021)

STT	Nội dung công việc	Chi phí XD+TB (Trước thuế)	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
I	Giá trị trước thuế				
1	Giá trị xây lắp	63.980.360.000			
2	Giá trị thiết bị	5.691.641.818			
II	Chi phí giám sát				
1	Chi phí giám sát thi công xây dựng		2,27%	1.452.354.172	Quyết định 79/QĐ-BXD
2	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		0,844%	48.037.457	
	Cộng			1.500.391.629	
	Thuế VAT 10%			150.039.163	
	Tổng cộng			1.650.430.792	
	Làm tròn			1.650.430.000	

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TUYẾN

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TUYẾN

PHỤ LỤC 02: NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU

STT	Họ và tên	Chuyên ngành	Chức danh
1	Nguyễn Thế Huân	Kỹ sư xây dựng	Tư vấn giám sát trưởng
2	Đỗ Văn Duy	Kỹ sư xây dựng	Giám sát hiện trường
3	Nguyễn Văn Nam	Kỹ sư xây dựng	Giám sát hiện trường
4	Nguyễn Văn Quân	Kỹ sư xây dựng	Giám sát hiện trường
5	Nguyễn Văn Tuấn	Kỹ sư xây dựng	Giám sát hiện trường
6	Nguyễn Văn Thịnh	Kỹ sư cấp thoát nước	Giám sát hiện trường
7	Đỗ Văn Huy	Kỹ sư điện	Giám sát hiện trường
8	Dương Văn Hải	Kỹ sư điện	Giám sát hiện trường
9	Nguyễn Văn Dũng	Kỹ sư xây dựng	Giám sát hiện trường
10	Vi Văn Hoài	Kỹ sư xây dựng	Giám sát hiện trường
11	Ngô Văn Biên	Kỹ sư công nghệ cơ khí	Giám sát hiện trường
12	Trần Xuân Bách	Kỹ sư xây dựng	Giám sát hiện trường

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TUYẾN